TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 940/2024/DS-PT
Ngày 30 tháng 10 năm 2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp lối đi và kiện đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các thẩm phán: Ông Ngô Đức Thọ

Ông Dương Anh Văn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Quang Hiển - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 619/2024/TLPT-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp lối đi và kiện đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 21/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3018/2024/QĐPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1930, chết ngày 24/11/2023;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn K:

1.1.1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1931; địa chỉ: tổ A, ấp N, xã T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

1.1.2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954, địa chỉ: ấp F, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt và có văn bản xin xét xử mặt.

1.1.3. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1956; địa chỉ: ấp N, xã T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt và có văn bản xin xét xử mặt.

1.1.4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; địa chỉ: tổ E, ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

1.1.5. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1961; địa chỉ: ấp N, xã T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

1.1.6. Ông Nguyễn Phạm Minh H1, sinh năm 1989, địa chỉ: tổ A, ấp N, xã T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

1.1.7. Bà Nguyễn Phạm Thùy D, sinh năm 1995, địa chỉ: tổ A, ấp N, xã T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

1.1.8. Bà Nguyễn Phạm Thùy V, sinh năm 1998; địa chỉ: tổ A, ấp N, xã T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

1.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1931; địa chỉ: tổ A, ấp N, xã T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H*:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1961; địa chỉ: tổ A, ấp N, xã T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (theo Văn bản ủy quyền ngày 13/11/2020); có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Kim L, sinh năm 1968; địa chỉ: tổ A, ấp N, xã T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954; địa chỉ: ấp N, xã T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt và có văn bản xin xét xử mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1956; địa chỉ: ấp N, xã T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt và có văn bản xin xét xử mặt.

3.3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; địa chỉ: tổ E, ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

3.4. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1961; địa chỉ: tổ A, ấp N, xã T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

3.5. Ông Nguyễn Phạm Minh H1, sinh năm 1989, địa chỉ: tổ A, ấp N, xã T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3.6. Bà Nguyễn Phạm Thùy D, sinh năm 1995; ịa"địa chỉ: tổ A, ấp N, xã T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3.7. Bà Nguyễn Phạm Thùy V, sinh năm 1998; địa chỉ: tổ A, ấp N, xã T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3.8. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt và có văn bản xin xét xử mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 14/7/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/9/2020, ngày 16/5/2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng của ông Nguyễn Văn K *(chết ngày 24/11/2023) và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông* K *như sau:*

Đối với việc tranh chấp quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình.

Đối với thửa đất số 33, tờ bản đồ số 16, có diện tích 437m^2, có nguồn gốc của cha mẹ vợ để lại cho vợ chồng ông K, bà H sử dụng để trồng cây ăn trái và sử dụng cho đến nay.

Đối với thửa đất số 134, tờ bản đồ số 16, có diện tích 1.536m^2, có nguồn gốc của vợ chồng ông K, bà H tự khai hoang năm nửa để sản xuất.

Đối với thửa đất số 72, 73, tờ bản đồ số 16, có diện tích 1.486m^2, có nguồn gốc của vợ chồng ông K, bà H mua của ông Đỗ Kim V1, 02 bên có lập 01 giấy viết tay mua bán đất.

Tất cả các thửa đất nói trên là thuộc quyền quản lý sử dụng riêng của ông K và bà H.

Năm 1999, ông K làm đơn xin đăng ký kê khai cấp ấy"giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không biết do nhầm lẫn từ đâu, UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên đã cấp ấy"giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn K. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00354 do UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp ngày 23/8/1999 cho hộ ông Nguyễn Văn K được quyền sử dụng 4.615m^2, tại xã T (nay là xã T), huyện (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương gồm các thửa đất số 33, 134, 52, 72, 73, tờ bản đồ số 16.

Về việc tranh chấp lối đi: con đường đã có từ xưa cách đây gần 100 năm ngang hơn 01m dài chừng 50m giành cho nhiều hộ gia đình trong gia tộc sử dụng để đi lại.

Năm 1983, ông K có mua một phần đất giáp ranh với con đường đi nói trên.

Năm 1998, ông K tự nguyện lập 01 giấy viết tay cho con trai ruột tên Nguyễn Văn C sử dụng với điều kiện ông C phải mở rộng con đường đi có chiều rộng ngang khoảng 2,5m để cả gia tộc cùng sử dụng để đi lại.

Năm 2005, con trai ông K là ông Nguyễn Văn C làm đơn xin cấp ấy"giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 09/11/2005, UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp ấy"giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn C, thửa đất số 472, tờ bản đồ số 16, tại ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương với diện tích 634m^2 (đất ở tại nông thôn là 300m^2 và đất trồng cây lâu năm là 334m^2), sơ đồ vị trí thửa đất cấp luôn lối đi có chiều rộng ngang 2,5m.

Năm 2012, ông Nguyễn Văn C chết. Năm 2020, bà Phạm Kim L là vợ ông Nguyễn Văn C đã lừa dối và yêu cầu ông K ký vào ấy"giấy tự nguyện từ bỏ thừa kế đối với phần đất do ông C chết để lại.

Ngày 13/12/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ấy"giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Kim L được quyền sử dụng 634m^2, tại xã T, thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương.

Về yêu cầu đòi tài sản, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông K trình bày: trước đây ông K, bà H có tổ chức ễ"lễ cưới cho con ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Kim L có giao cho bà L giữ 02 lượng vàng để lo thuốc thang cho ông K, bà H khi ốm đau, già yếu. Nay ông K đã chết, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông K tiếp tục yêu cầu bà L phải trả 02 lượng vàng 24k.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H thống nhất như lời khai của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông K.

Ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H yêu cầu như sau:

Công nhận diện tích đất 4.163m^2 thuộc thửa đất số 33,134, 52, 72, 73, tờ bản đồ số 16 tại xã T là tài sản quyền sử dụng đất riêng của vợ chồng ông K, bà H, tài sản quyền sử dụng đất này không thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông K gồm có ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Kim L, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn K là thành viên trong hộ gia đình.

Yêu cầu bà Phạm Kim L phải trả lại lối đi chung có diện tích 69,8m^2 (chiều ngang 1,96m, chiều dài 50m).

Yêu cầu bà Phạm Kim L trả lại cho ông K, bà H 02 lượng vàng 24k.

- *Bị đơn bà* Phạm Kim L *trình bày trong quá trình tham gia tố tụng như sau:*

Bà L xác định quyền sử dụng đất diện tích 4.615m^2,thuộc thửa đất 33, 134, 52, 72, 73, tờ bản đồ số 16 tại xã T là tài sản chung của hộ gia đình ông K, không phải là tài sản chung của vợ chồng ông K, bà H nên bà L không chấp nhận yêu cầu này của bà H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông K.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông K, bà H yêu cầu trả lại lối đi có diện tích 69,8m^2(chiều ngang 1,96m, chiều dài 50m) thuộc quyền sử dụng đất của bà L, bà L không chấp nhận mở lối đi trên.

Đối với yêu cầu trả lại 02 lượng vàng 24k, bà L không đồng ý, bởi vì bà L không có mượn vàng của ông K.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà* Nguyễn Thị N, *bà* Nguyễn Thị N1, *bà* Nguyễn Thị P, *bà* Nguyễn Thị T: thống nhất như lời khai trình bày của nguyên đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông* Nguyễn Phạm Minh H1, *bà* Nguyễn Phạm Thùy D, *bà* Nguyễn Phạm Thùy V *(là con của ông* Nguyễn Văn C*)* vắng mặt, không có ý kiến.

- *Ủy ban nhân* thành phố T: Không có văn bản trình bày về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Nguyễn Văn K.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 21/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu công nhận diện tích diện tích 4.615m^2, tại xã T (nay là xã T), huyện (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương gồm các thửa đất số 33, 134, 52, 72, 73, tờ bản đồ số 16, thuộc quyền sử dụng riêng của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bà Phạm Kim L phải trả 02 lượng vàng 24k.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Phạm Kim L phải mở lối đi chung diện tích 69,8m^2 (chiều ngang rộng 1,96m giáp lề đường Thạnh Hội 04, chiều ngang rộng 1,78m giáp thửa đất số 49 của bà

Nguyễn Thị P; chiều dài 41,04m giáp ranh giới đất ông Nguyễn Văn H2, chiều dài 17,74m giáp ranh giới đất bà Phạm Kim L và chiều dài 15,66m giáp ranh giới đất ông Nguyễn Văn T1) để cho gia đình bà Nguyễn Thị H, gia đình bà Nguyễn Thị P, gia đình bà Nguyễn Thị N và gia đình bà Phạm Kim L sử dụng làm lối đi chung ra đến đường Thạnh Hội 04 (có sơ đồ bản vẽ lối chung kèm theo).

Bà Phạm Kim L được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để xin điều chỉnh cấp lại ấy"giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 01/6/2024, bà nguyễn Thị T là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn – ông K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ngày 28/5/2024, bà Phạm Kim L – bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc mở lối đi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn (ông K) là bà nguyễn Thị T trình bày nội dung kháng cáo như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Lý do, nguồn gốc đất tranh chấp diện tích 4.615m^2, tại xã T (nay là xã T) là của ông bà cho cha mẹ bà và do cha mẹ khai hoang nên thuộc quyền sử dụng riêng của cha mẹ bà, không phải đất của hộ gia đình. Trong quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông K là không đúng qui định của pháp luật.

- Bị đơn – bà Phạm Kim L trình bày ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc mở lối đi. Lý do, gia đình các chị chồng của bà đã có lối đi khác nên bà không đồng ý việc mở lối đi chung trên đất của bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phần tranh luận: Các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các bên đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Bản án dân sự sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật, yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Các bên đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai. Tại phiên tòa phúc thẩm chỉ có mặt bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị P và bà Phạm Kim L; các đương sự còn lại vắng mặt (trong đó có bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị N1 và UBND thành phố T có đơn đề nghị xử vắng mặt); căn cứ khoản 2 và 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T là một trong những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn(ông Nguyễn Văn K) yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận diện tích đất 4163m^2 thuộc thửa 33, 134, 72, 73 tờ bản đồ số 16, tại Xã T là tài sản riêng của cha mẹ bà T là ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H, thấy rằng:

[2.1] Phần đất tranh chấp diện tích 4.615m^2, tại xã T (nay là xã T), huyện (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương gồm các thửa đất số 33, 134, 52, 72, 73, tờ bản đồ số 16, hộ ông Nguyễn Văn K được UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp ấy"giấyứng nhận quyền sử dụng đất số 00354 ngày 23/8/1999.

[2.2] Xét, năm 1999 khi làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Nguyễn Văn K khai nguồn gốc đất trên là của ông bà để lại từ năm 1975; ông K không khai rõ là ông bà để lại cho vợ chồng ông K, bà H và tại đơn xin đăng ký cấp ấy"giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông K đề nghị cấp cho hộ gia đình ông, gồm: ông Nguyễn Văn K - bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Kim L là con của ông K cùng sinh sống và xây dựng nhà ở trên thửa đất số 33 và canh tác sản xuất nông nghiệp đối với các thửa đất còn lại.

Trên cơ sở đơn yêu cầu của ông Nguyễn Văn K và các tài liệu về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất của hộ gia đình ông K, Uỷ ban nhân dân huyện (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00354 ngày 23/8/1999 cho hộ ông Nguyễn Văn K được quyền sử diện tích 4.615m^2, tại xã T (nay là xã T), huyện (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương là có căn cứ, đúng trình tự thủ tục theo qui định của Luật Đất đai. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, vợ chồng ông K – bà H không có ai có ý kiến khiếu nại, khiếu kiện gì liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho hộ gia đình. Cho đến sau thời điểm ông Nguyễn Văn C (con của ông K, bà H) mất vào năm 2012 thì ông K, bà H mới phát sinh tranh chấp về vấn đề này.Tuy nhiên, suốt quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án ngoài lời khai, phía nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh phần đất trên thuộc quyền sử dụng riêng của ông K, bà H.

[2.3] Do đó, việc nguyên đơn - ông K (nay là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K) và bà H yêu cầu công nhận phần diện tích 4.615m^2, tại xã T

(nay là xã T) là của riêng ông K và bà H là không có cơ sở. Bản án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.4] Tại cấp phúc thẩm, bà Nguyễn Thị T là người kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm bất cứ tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn – bà Phạm Kim L không đồng ý với bản án sơ thẩm về việc mở lối đi, thấy rằng:

[3.1] Thửa đất số 33, diện tích 437m^2, vợ chồng ông Nguyễn Văn K, vợ chồng bà Phạm Kim L, vợ chồng bà Nguyễn Thị P, vợ chồng bà Nguyễn Thị N sử dụng để xây dựng nhà ở nằm ở phía bên trong. Phần diện tích 634m^2, tại xã T có nguồn gốc trước đây là của ông Nguyễn Văn K sử dụng, đến năm 2005, ông K cho con của ông là ông C và giao ông Cẩm T2 liên hệ các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương để đăng ký kê khai cấp ấy"giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

[3.2] Xét thời điểm ông K cho ông C đất thì vị trí ranh mốc giới đất do ông K cho ông C đã hình thành một lối đi chung của gia đình vợ chồng ông Nguyễn Văn K, gia đình vợ chồng ông Nguyễn Văn C, gia đình vợ chồng bà Nguyễn Thị P và gia đình vợ chồng bà Nguyễn Thị N sử dụng đi ra đường công cộng là đường T 04 như hiện nay. Ngoài lối đi này các gia đình nêu trên không còn lối đi nào khác để sử dụng từ nhà của mình đi ra đường công cộng là đường Thạnh Hội 04. Ngày 09/11/2005, UBND huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp ấy"giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn C được quyền sử dụng 634m^2, trong đó có diện tích 69,8m^2 là lối đi chung của các gia đình ông K, bà P, bà N và gia đình của bà L là bị đơn.

[3.3] Sau khi ông C chết, bà L là vợ ông C làm thủ tục kê khai di sản thừa kế và ngày 13/12/2018, bà L được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ấy"giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Kim L được quyền sử dụng 634m^2 nêu trên. Sơ đồ vị trí ranh mốc giới đất không thể hiện có lối đi chung từ nhà của gia đình ông Nguyễn Văn K, gia đình bà Phạm Kim L, gia đình bà Nguyễn Thị P và gia đình bà Nguyễn Thị N để sử dụng làm lối đi chung ra đến đường ộng"công cộng là đường T 04. Ngoài lối đi này các gia đình nói trên không còn lối đi nào khác để sử dụng đi lại từ nhà ra đến đường công cộng là đường T 04.

[3.4] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bà Phạm Kim L phải có trách nhiệm chừa phần diện tích 69,8m^2 *(chiều ngang rộng 1,96m giáp đường Thạnh Hội 04; chiều ngang rộng 1,78m giáp thửa đất số 49 của bà* Nguyễn Thị P*; chiều dài 41,04m giáp ranh giới đất ông* Nguyễn Văn H2*; chiều dài 17,74m giáp ranh giới đất bà* Phạm Kim L *và chiều dài 15,66m giáp ranh giới đất ông* Nguyễn Văn T1*)*, để sử dụng làm lối đi chung cho gia đình bà Nguyễn Thị H, gia đình bà Nguyễn Thị P, gia đình bà Nguyễn Thị N và gia đình bà Phạm Kim L là có cơ sở.

[3.5] Tại cấp phúc thẩm, bà L không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn - bà L.

[4] Từ sự phân tích, đánh giá tại mục [2] đến mục [3.5], Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của của bà Nguyễn Thị T là một

trong những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và bị đơn – bà Phạm Kim L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 21/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với chứng cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên được chấp nhận.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T thuộc trường hợp người cao tuổi, được xét miễn án phí dân sự phúc thẩm. Bà Phạm Kim L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000211 ngày 29/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương. Sau khi cấn trừ, bà L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà nguyễn Thị T và yêu vầu kháng cáo của bà Phạm Kim L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 21/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

1.1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu công nhận diện tích diện tích 4.615m^2, tại xã T (nay là xã T), huyện (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương gồm các thửa đất số 33, 134, 52, 72, 73, tờ bản đồ số 16, thuộc quyền sử dụng riêng của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bà Phạm Kim L phải trả 02 lượng vàng 24k.

1.3. Chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Phạm Kim L phải mở lối đi chung diện tích 69,8m^2 (chiều ngang rộng 1,96m giáp lề đường Thạnh Hội 04, chiều ngang rộng 1,78m giáp thửa đất số 49 của bà Nguyễn Thị P; chiều dài 41,04m giáp ranh giới đất ông Nguyễn Văn H2, chiều dài 17,74m giáp ranh giới đất bà Phạm Kim L và chiều dài 15,66m giáp ranh giới đất ông Nguyễn Văn T1) để cho gia đình bà Nguyễn Thị H, gia đình bà Nguyễn Thị P, gia đình bà Nguyễn Thị N và gia đình bà Phạm Kim L sử dụng làm lối đi chung ra đến đường Thạnh Hội 04 (có sơ đồ bản vẽ lối chung kèm theo).

1.4. Bà Phạm Kim L được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để xin điều chỉnh cấp lại ấy"giấyứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

1.5. Về chi phí tố tụng: nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 4.448.365 đồng (bốn triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm sáu mươi lăm đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp.

1.6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K được miễn án phí.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T thuộc trường hợp người cao tuổi, được xét miễn án phí dân sự phúc thẩm. Bà Phạm Kim L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000211 ngày 29/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

3. Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VP , lưu hồ sơ, PQH.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hoa